

Tăng tỷ trọng

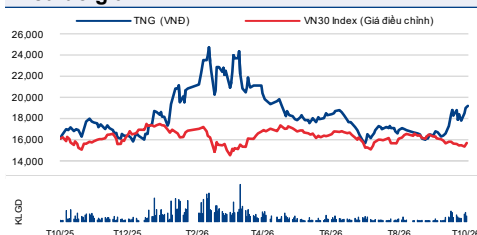
Giá mục tiêu: VNĐ19,600

Tiềm năng tăng/giảm: 2.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (22/10/2026)	19,200
Mã Bloomberg	TNG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	15,677-24,715
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	18,900
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	2,472
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	95.6
Sig CP lưu hành (tr.đv)	129
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	63.1
Sig CP NN được mua (tr.đv)	27.8
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	27.4%
Tỷ lệ freefloat	63.2%
Cổ đông lớn	Nguyễn Văn Thời (19.2%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	8,699	10,305	10,731
EBITDA đc (tỷ đồng)	930	1,055	1,104
LNTT (tỷ đồng)	485	590	566
LNT ĐC (tỷ đồng)	322	387	368
FCF (tỷ đồng)	(270)	(225)	(158)
EPS ĐC (đồng)	2,500	3,003	2,855
DPS (đồng)	1,000	1,500	1,500
BVPS (đồng)	15,555	17,509	19,274
T.trưởng EBITDA (%)	5.44	13.5	4.61
T.trưởng EPS ĐC (%)	32.3	20.1	(4.90)
Tăng trưởng DPS (%)	(50.0)	50.0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	10.7	10.2	10.3
Tỷ suất LNTT (%)	5.57	5.73	5.27
Tỷ suất LNT ĐC (%)	4.52	4.58	4.22
Tỷ lệ LN trả CT (%)	40.0	50.0	52.5
Nợ thuần/VCSH (%)	151	153	153
ROAE (%)	20.2	22.2	19.1
ROACE (%)	22.1	24.6	23.7
EV/doanh thu (lần)	0.68	0.62	0.63
EV/EBITDA ĐC (lần)	6.40	6.03	6.09
P/E ĐC (lần)	7.68	6.39	6.72
P/B (lần)	1.23	1.10	1.00
Lợi suất cổ tức (%)	5.21	7.81	7.81

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

TNG là một trong những công ty may mặc lớn nhất Việt Nam, chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất hàng may mặc xuất khẩu.

Chuyên viên phân tích

Huỳnh Phương Bảo Khánh

Chuyên viên, Ngành Hàng Tiêu Dùng
khanh.hp@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 369

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Q3/2026: Lợi nhuận thuần tăng 29% so với cùng kỳ, vượt 7% dự báo

- TNG công bố lợi nhuận thuần Q3/2026 đạt 152 tỷ đồng (+29,5% so với cùng kỳ), cao hơn 7% so với kỳ vọng của HSC ở mức 141 tỷ đồng, trên doanh thu thuần 3.229 tỷ đồng (+22,6% so với cùng kỳ), cao hơn 2% so với dự báo. Động lực chính giúp lợi nhuận vượt kỳ vọng đến từ sự cải thiện rõ nét của tỷ suất lợi nhuận. TSLN gộp đạt 14,1%, cao hơn so với giả định 13,5% của chúng tôi. Tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý trên doanh thu giảm xuống 5,5%, giúp EBIT tăng 48,6% so với cùng kỳ.
- Lũy kế 9 tháng đầu năm 2026, lợi nhuận thuần đạt 362 tỷ đồng (+29% so với cùng kỳ) trên doanh thu thuần 8.095 tỷ đồng (+21,3% so với cùng kỳ), hoàn thành lần lượt 77% và 79% dự báo cho cả năm 2026 của chúng tôi.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 22% và 16% trong 3 tháng và 1 tháng qua, TNG đang giao dịch với P/E dự phóng 12 tháng tới là 6,6 lần, thấp hơn 0,5 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 8/2023 ở mức 7,1 lần, với lợi suất cổ tức 7,8%. Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo lợi nhuận.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2026

TNG công bố KQKD Q3/2026 tích cực và cao hơn một chút so với kỳ vọng của HSC.

Q3/2026: Lợi nhuận thuần tăng 29,5% so với cùng kỳ, và doanh thu thuần tăng 22,6% so với cùng kỳ

TNG công bố lợi nhuận thuần Q3/2026 đạt 152 tỷ đồng, tăng 29,5% so với cùng kỳ và cao hơn 7% so với dự báo của HSC ở mức 141 tỷ đồng. Doanh thu thuần tăng 22,6% svck (+10,8% svqt) đạt 3.229 tỷ đồng, cao hơn 2% so với dự báo của chúng tôi ở mức 3.159 tỷ đồng, cho thấy doanh thu tháng 9 đạt khoảng 863 tỷ đồng (+15% svck).

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2026, lợi nhuận thuần tăng 29% svck đạt 362 tỷ đồng trên doanh thu thuần 8.095 tỷ đồng (+21,3% svck), hoàn thành lần lượt 77% và 79% dự báo lợi nhuận thuần (472 tỷ đồng) và doanh thu thuần (10.305 tỷ đồng) cho cả năm của chúng tôi, vượt nhẹ dự báo.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 23/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2026, TNG

Lợi nhuận thuần tăng 29,5% so với cùng kỳ, đạt 152 tỷ đồng, cao hơn 7% so với kỳ vọng của chúng tôi

Tỷ đồng	Q3/25	Q2/26	Q3/26	So với cùng kỳ	So với quý trước	Q3/26F
Doanh thu thuần	2,633	2,914	3,229	22.6%	10.8%	3,159
Lợi nhuận gộp	360	424	457	27.0%	7.7%	427
Chi phí BH&QL	(172)	(174)	(178)	3.4%	2.4%	(185)
Chi phí tài chính ròng	(40)	(70)	(72)	81.1%	3.4%	(65)
Lợi nhuận HĐ	148	180	207	39.8%	14.5%	177
Lợi nhuận/(lỗ) thuần khác	(2)	2	(19)	n.m.	n.m.	-
Lợi nhuận thuần	117	150	152	29.5%	1.1%	141
Tỷ suất lợi nhuận gộp	13.7%	14.6%	14.1%	48 điểm cơ bản	(41 điểm cơ bản)	13.5%
Chi phí BH&QL / doanh thu thuần	6.5%	6.0%	5.5%	(103 điểm cơ bản)	(45 điểm cơ bản)	5.9%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	4.4%	5.1%	4.7%	25 điểm cơ bản	(45 điểm cơ bản)	4.5%

Nguồn: TNG, HSC

Tăng trưởng đồng đều; châu Âu hiện là thị trường lớn nhất

Xét theo thị trường, Mỹ dẫn đầu tăng trưởng trong Q3/2026 với doanh thu tăng 37,1% svck đạt 1.343 tỷ đồng, đánh dấu sự tăng tốc rõ rệt sau khi chỉ tăng khiêm tốn 4% trong nửa đầu năm 2026. Trong khi đó, khu vực Châu Âu (ngoại trừ Nga) ghi nhận mức tăng 15,8% so với cùng kỳ đạt 1.355 tỷ đồng, qua đó vượt qua thị trường Mỹ để trở thành thị trường lớn nhất của TNG khi chiếm 42% tổng doanh thu trong Q3/2026. Doanh thu xuất khẩu sang Canada tăng 75,5% so với cùng kỳ đạt 195 tỷ đồng, trong khi các thị trường khác giảm 9,5% so với cùng kỳ. Trong 9 tháng đầu năm 2026, châu Âu tiếp tục là động lực tăng trưởng chính với mức tăng doanh thu 36% so với cùng kỳ (so với mức tăng 15,4% so với cùng kỳ của thị trường Mỹ).

Xét theo khách hàng, ba khách hàng lớn nhất đóng góp 66% tổng doanh thu Q3/2026 (so với mức 62% trong Q3/2025). Trong đó Decathlon tăng 11,1% svck lên 1.143 tỷ đồng, Haddad tăng hơn gấp đôi lên 499 tỷ đồng, và Asmara tăng 21,8% svck lên 484 tỷ đồng, trong khi các khách hàng khác ghi nhận mức tăng 10,5% svck. Điều này khẳng định dòng đơn hàng từ nhóm khách hàng chủ chốt của TNG vẫn tăng trưởng vững chắc.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu thuần theo khách hàng, TNG

Tỷ đồng	Q3/25	Q3/26	So với cùng kỳ	9T25	9T26	So với cùng kỳ
Decathlon	1,029	1,143	11.1%	1,930	2,472	28.1%
Haddad	208	499	139.5%	421	1,246	195.7%
Asmara	398	484	21.8%	788	1,050	33.2%
Khác	998	1,103	10.5%	3,531	3,327	(5.8%)
Doanh thu thuần	2,633	3,229	22.6%	6,671	8,095	21.3%

Nguồn: TNG, HSC

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu thuần theo thị trường, TNG

Tỷ đồng	Q3/25	Q3/26	So với cùng kỳ	9T25	9T26	So với cùng kỳ
Châu Âu (ngoại trừ Nga)	1,170	1,355	15.8%	2,202	2,994	36.0%
Mỹ	980	1,343	37.1%	2,885	3,328	15.4%
Canada	111	195	75.5%	384	574	49.6%
Khác	372	336	(9.5%)	1,201	1,199	(0.2%)
Doanh thu thuần	2,633	3,229	22.6%	6,671	8,095	21.3%

Nguồn: TNG, HSC

Lợi nhuận vượt dự báo nhờ TSLN gộp cao hơn 64 điểm cơ bản so với giả định

Lợi nhuận gộp tăng 27% svck lên 457 tỷ đồng, cao hơn dự báo của HSC ở mức 427 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 14,1%, mở rộng 48 điểm cơ bản so với cùng kỳ từ mức 13,7% trong Q3/2025 và cao hơn 64 điểm cơ bản so với giả định 13,5% của chúng tôi, dù có sự điều chỉnh nhẹ 41 điểm cơ bản từ mức cao 14,6% của Q2/2026. Kết quả này cho thấy TNG có khả năng giữ vững tỷ suất lợi nhuận tốt hơn so với giả định của chúng tôi.

EBIT tăng 48,6% so với cùng kỳ nhờ tỷ lệ SG&A/doanh thu giảm

Chi phí bán hàng & quản lý chỉ tăng nhẹ 3,4% so với cùng kỳ lên 178 tỷ đồng. Nhờ doanh thu tăng mạnh, tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý trên doanh thu thu hẹp xuống còn 5,5% từ mức 6,5% trong Q3/2025, tích cực hơn so với mức giả định 5,9% của chúng tôi. Chi phí quản lý giảm 1,6% svck xuống còn 135 tỷ đồng, trong khi chi phí bán hàng tăng 23,2% svck lên 43 tỷ đồng, diễn biến đồng pha với tốc độ tăng trưởng của doanh thu. Nhờ đó, EBIT tăng mạnh 48,6% svck lên 279 tỷ đồng, cao hơn 15% so với kỳ vọng của chúng tôi, qua đó giúp tỷ suất lợi nhuận trước thuế tăng thêm 1,5 điểm phần trăm svck lên 8,6%.

Lỗ tỷ giá và các khoản lỗ khác bào mòn một phần lợi nhuận vượt kỳ vọng

Lỗ tài chính tăng 81,1% svck lên 72 tỷ đồng, cao hơn 11% so với dự báo của HSC ở mức 65 tỷ đồng, chủ yếu do lỗ tỷ giá tăng cao. Tổng chi phí tài chính tăng 50% svck lên 113 tỷ đồng. Trong đó, chi phí lãi vay tăng 23% svck lên 87 tỷ đồng, chủ yếu chịu áp lực từ chi phí lãi vay ngắn hạn khi tăng 43% svck đạt 58 tỷ đồng, trong khi lỗ tỷ giá tăng lên 26 tỷ đồng, từ mức 3 tỷ đồng trong Q3/2025. Doanh thu HĐ tài chính tăng 15% svck lên 41 tỷ đồng.

TNG cũng ghi nhận thêm một khoản lỗ thuần khác trị giá 19 tỷ đồng trong Q3/2026 (Q3/2025: lỗ 2 tỷ đồng) và trái ngược với dự báo bằng 0 của chúng tôi. Biến động này xuất phát từ việc công ty ghi nhận chi phí khác tăng lên 22 tỷ đồng, chủ yếu đến từ thiệt hại tài sản máy móc thiết bị do ảnh hưởng của đợt bão lũ năm 2025. Theo BLĐ, các khoản chi phí không thường xuyên tương tự nhiều khả năng sẽ tiếp tục phát sinh trong Q4/2026 do quy trình thẩm định bồi thường bảo hiểm hiện vẫn chưa hoàn tất. Diễn biến này kéo giảm lợi nhuận thuần khác trong 9 tháng đầu năm 2026 xuống chỉ còn 7 tỷ đồng, thấp hơn nhiều so với dự báo cho cả năm 2026 của chúng tôi ở mức 40 tỷ đồng, đồng nghĩa với việc khoản mục này đang ghi nhận kết quả kém khả quan hơn nhiều so với kỳ vọng của chúng tôi.

Nếu loại trừ khoản lỗ thuần khác ở cả hai quý và áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20%, lợi nhuận thuần từ HĐKD cốt lõi Q3/2026 đạt khoảng 167 tỷ đồng, tăng 41% so với cùng kỳ thay vì chỉ tăng 29% theo số liệu báo cáo.

Đang xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo lợi nhuận

Sau khi giá cổ phiếu tăng 22% và 16% trong 3 tháng và 1 tháng qua, TNG đang giao dịch với P/E dự phóng 12 tháng tới là 6,6 lần, thấp hơn 0,5 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 8/2023 ở mức 7,1 lần, với lợi suất cổ tức khoảng 7,8%. Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo lợi nhuận.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	7,656	8,699	10,305	10,731	11,175
Lợi nhuận gộp	1,182	1,239	1,427	1,484	1,575
Chi phí BH&QL	(535)	(559)	(615)	(650)	(686)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	647	680	812	834	889
Lãi vay thuần	(246)	(205)	(262)	(269)	(273)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	(10.4)	9.65	40.0	0	0
LNTT	390	485	590	566	616
Chi phí thuế TNDN	(75.7)	(91.6)	(118)	(113)	(123)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	315	393	472	453	493
Lợi nhuận thuần ĐC	243	322	387	368	411
EBITDA ĐC	882	930	1,055	1,104	1,188
EPS (đồng)	1,889	2,500	3,003	2,855	3,194
EPS ĐC (đồng)	1,889	2,500	3,003	2,855	3,194
DPS (đồng)	2,000	1,000	1,500	1,500	1,500
Slg CP bình quân (triệu đv)	129	129	129	129	129
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	129	129	129	129	129
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	129	129	129	129	129

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	445	317	417	215	429
Đầu tư ngắn hạn	260	467	467	467	467
Phải thu khách hàng	740	1,013	1,248	1,380	1,525
Hàng tồn kho	1,074	1,446	1,656	1,848	2,014
Các tài sản ngắn hạn khác	118	126	159	166	173
Tổng tài sản ngắn hạn	2,638	3,368	3,947	4,075	4,608
TSCĐ hữu hình	1,961	2,456	2,836	3,138	3,172
TSCĐ vô hình	156	260	277	294	311
Bất động sản đầu tư	300	304	295	285	275
Đầu tư dài hạn	610	368	368	368	368
Đầu tư vào Cty LD,LK	141	141	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	11.4	12.1	12.9	12.9	12.9
Tổng tài sản dài hạn	3,179	3,541	3,789	4,098	4,139
Tổng cộng tài sản	5,817	6,910	7,735	8,173	8,747
Nợ ngắn hạn	1,607	2,371	2,730	3,072	3,414
Phải trả người bán	777	862	986	1,027	1,067
Nợ ngắn hạn khác	326	516	461	478	494
Tổng nợ ngắn hạn	2,751	3,818	4,234	4,636	5,036
Nợ dài hạn	1,093	956	1,114	922	830
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	80.4	133	133	133	133
Tổng nợ dài hạn	1,173	1,089	1,247	1,055	963
Tổng nợ phải trả	3,924	4,907	5,481	5,691	5,999
Vốn chủ sở hữu	1,892	2,002	2,254	2,481	2,747
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	0	-	-	-
Tổng vốn chủ sở hữu	1,892	2,002	2,254	2,481	2,747
Tổng nợ phải trả và VCSH	5,817	6,910	7,735	8,173	8,747
BVPS (đ)	14,701	15,555	17,509	19,274	21,342
Nợ thuần*/(tiền mặt)	2,255	3,010	3,428	3,780	3,816

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	647	680	812	834	889
Khấu hao	(235)	(250)	(243)	(269)	(300)
Lãi vay thuần	(246)	(205)	(262)	(269)	(273)
Thuế TNDN đã nộp	(67.7)	(61.8)	(118)	(113)	(123)
Thay đổi vốn lưu động	(35.6)	(493)	(576)	(575)	(582)
Khác	(217)	(168)	(222)	(269)	(273)
LCT thuần từ HĐKD	746	419	415	430	507
Đầu tư TS dài hạn	(254)	(689)	(640)	(588)	(350)
Góp vốn & đầu tư	(245)	(193)	0	0	0
Thanh lý	4.50	2.48	0	0	0
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(494)	(880)	(640)	(588)	(350)
Cổ tức trả cho CSH	(143)	(273)	(193)	(193)	(193)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	52.5	606	517	150	250
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(91.0)	333	324	(43.1)	56.9
Tiền & tương đương tiền đầu kì	284	445	317	417	215
LCT thuần trong kỳ	161	(128)	99.4	(202)	214
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.21)	0.73	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	445	317	417	215	429
Dòng tiền tự do	492	(270)	(225)	(158)	157

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	15.4	14.2	13.9	13.8	14.1
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	11.5	10.7	10.2	10.3	10.6
Tỷ suất LNT (%)	4.11	4.52	4.58	4.22	4.41
Thuế TNDN hiện hành (%)	19.4	18.9	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	7.86	13.6	18.5	4.14	4.14
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	18.4	5.44	13.5	4.61	7.66
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	12.0	32.3	20.1	(4.90)	11.9
Tăng trưởng EPS (%)	12.0	32.3	20.1	(4.90)	11.9
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	12.0	32.3	20.1	(4.90)	11.9
Tăng trưởng DPS (%)	150	(50.0)	50.0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	106	40.0	50.0	52.5	47.0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	16.8	20.2	22.2	19.1	18.8
ROACE (%)	22.5	22.1	24.6	23.7	24.5
Vòng quay tài sản (lần)	1.39	1.37	1.41	1.35	1.32
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	1.15	0.62	0.51	0.51	0.57
Số ngày tồn kho	60.6	70.7	68.1	72.9	76.6
Số ngày phải thu	41.7	49.6	51.3	54.5	58.0
Số ngày phải trả	43.8	42.2	40.6	40.6	40.6
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	120	151	153	153	139
Nợ/tài sản (%)	46.5	48.2	49.8	49.0	48.7
EBIT/lãi vay (lần)	2.63	3.32	3.10	3.10	3.26
Nợ/EBITDA (lần)	3.07	3.58	3.65	3.63	3.58
Chỉ số TT hiện thời (lần)	0.96	0.88	0.93	0.88	0.92
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.65	0.68	0.62	0.63	0.60
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.65	6.40	6.03	6.09	5.68
P/E (lần)	10.2	7.68	6.39	6.72	6.01
P/E ĐC (lần)	10.2	7.68	6.39	6.72	6.01
P/B (lần)	1.31	1.23	1.10	1.00	0.90
Lợi suất cổ tức (%)	10.4	5.21	7.81	7.81	7.81

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2026.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn